

thuộc Bộ, công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức phổ biến quán triệt nội dung Nghị định số 15/2003/NĐ-CP quy định xử phạt hành chính về giao thông đường bộ và Thông tư này đến từng cán bộ, chiến sỹ, chú trọng là cán bộ chiến sỹ trực tiếp thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lực lượng cảnh sát giao thông đường bộ, cảnh sát trật tự, cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, đảm bảo việc thi hành nghiêm và thống nhất các quy định của Chính phủ và của Bộ;

b) Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, các Phòng cảnh sát giao thông, cảnh sát trật tự, cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải đặt các hòm thư để nhận đơn, thư góp ý, khiếu nại, tố cáo của nhân dân về xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ theo Quyết định số 729/1998/QĐ ngày 09/11/1998 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành các quy chế thực hiện dân chủ trong lực lượng công an nhân dân. Mọi khiếu nại, tố cáo của công dân đều phải được giải quyết kịp thời và trả lời bằng văn bản theo đúng quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Cơ quan có thẩm quyền xử phạt hàng ngày phải thực hiện đúng chế độ hồ sơ, thống kê, báo cáo xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ theo quy định của Bộ, đồng thời, phải có nhật ký kiểm tra xử phạt vi phạm hành chính, sổ theo dõi tình hình quyết định xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ.

c) Tổng cục Cảnh sát chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

d) Thông tư này có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày ký; bãi bỏ Thông tư số 02/1999/ TT-BCA (C11) ngày 10/02/1999 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành một số quy định của Chính phủ về đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, cần báo cáo về Bộ (qua Tổng cục II) để có hướng dẫn, chỉ đạo kịp thời./

KT. Bộ trưởng Bộ Công an
Thứ trưởng

LÊ THẾ TIÊM

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Công an số 418/2003/QĐ-BCA(A11) ngày 03/7/2003 về Danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành thủy sản.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28/12/2000;

Căn cứ Nghị định số 37/1998/NĐ-CP ngày 09/6/1998 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;

Sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành thủy sản gồm những tin trong phạm vi sau:

BỘ CÔNG NGHIỆP

1. Nội dung chuẩn bị thành lập các đoàn đàm phán hợp tác nghề cá Việt Nam với các nước.

2. Các công trình và kết quả nghiên cứu thủy sản về các lĩnh vực công nghệ khai thác, cơ khí, đóng tàu, sản xuất lưới sợi, giống nuôi trồng thủy sản, công nghệ chế biến thủy sản chưa công bố.

3. Công nghệ và quy trình sản xuất các sản phẩm mới; các công nghệ đang trong quá trình hoàn thiện chưa áp dụng vào sản xuất, các giải pháp hữu ích, bí quyết nghề nghiệp quan trọng đối với khoa học công nghệ và kinh tế thủy sản chưa công bố.

4. Tài liệu, số liệu về các bãi cá, tôm và các hải sản kinh tế khác.

5. Số liệu thống kê, kế toán chuyên ngành đang trong quá trình xử lý chưa công bố.

6. Tài liệu thanh tra, kiểm tra; kết quả thanh tra, kiểm tra trong ngành thủy sản chưa công bố.

7. Hồ sơ cán bộ lãnh đạo cấp vụ (và tương đương) trở lên, tài liệu quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo của ngành thủy sản; tài liệu về việc đề bạt, kỷ luật cán bộ đang trong quá trình xử lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Cơ quan chức năng của Bộ Thủy sản và Bộ Công an chịu trách nhiệm kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 3. Các Bộ; cơ quan ngang Bộ; cơ quan trực thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Công an

LÊ HỒNG ANH

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp số 113/2003/QĐ-BCN ngày 01/7/2003 về việc chấm dứt hoạt động của Tổng công ty Nhựa Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 74/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới Tổng công ty nhà nước và doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công nghiệp giai đoạn 2003-2005;

Căn cứ các Quyết định từ số 17/2003/QĐ-BCN đến số 25/2003/QĐ-BCN ngày 05 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển các đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty Nhựa Việt Nam về trực thuộc Bộ Công nghiệp và Quyết định số 72/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc thành lập Công ty Nhựa Việt Nam;

Xét đề nghị của Hội đồng quản trị Tổng công ty Nhựa Việt Nam tại Văn bản số 229/BC-NVN-VP ngày 24 tháng 6 năm 2003 và Biên bản bàn giao ngày 24 tháng 6 năm 2003 giữa Tổng công ty Nhựa Việt Nam và Công ty Nhựa Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức - cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt hoạt động của Tổng công ty Nhựa Việt Nam.